

DỰ THẢO
14.3.2026

BÁO CÁO

Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, Điều ước quốc tế có liên quan khi ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Y tế đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số. Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

Nhằm bảo đảm tính tương thích của dự thảo Nghị định với các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan; phát hiện, xử lý những nội dung chồng chéo hoặc không phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật khác, các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Việc rà soát đảm bảo toàn diện, khách quan, chính xác, bám sát các định hướng, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, đảm bảo phù hợp và thống nhất với hệ thống pháp luật và tuân thủ các cam kết quốc tế của Việt Nam.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

Thực hiện rà soát các Nghị quyết của Bộ Chính trị, các Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, ... có nêu chủ trương, đường lối, nhiệm vụ, biện pháp có liên quan đến việc quy định mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục, điều kiện thực hiện việc hỗ trợ để duy trì mức sinh thay thế; các hình thức chăm sóc người cao tuổi; phạm vi, đối tượng, mức hỗ trợ khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh theo lộ trình ưu tiên; chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số

Về chủ trương, đường lối của Đảng: Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành

Trung ương Đảng khóa XIII, Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị “Về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân”, Nghị quyết số 262/2025/QH15 của Quốc hội: Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện nghị quyết số 42-nq/tw ngày 24 tháng 11 năm 2023, hội nghị lần thứ tám ban chấp hành trung ương đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới (*Phụ lục số 1 gửi kèm theo*).

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số

Về hệ thống pháp luật: Có 29 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định (*Phụ lục số 2 gửi kèm theo*).

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số

Tổng số điều ước quốc tế được rà soát liên quan đến dự thảo: Qua rà soát đã xác định được có 05 Điều ước quốc tế và chương trình hành động liên quan đến dự thảo Nghị định (*Chi tiết tại Bảng số 3 Phụ lục kèm theo*).

Đánh giá chung về tính tương thích của dự thảo với Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. Bộ Y tế nhận thấy các quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam mà không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên, không làm cản trở việc thực hiện các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Phụ lục I:**CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT
MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC, HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT DÂN SỐ***(Kèm theo Báo cáo số /BC-BYT ngày / /2026 của Bộ Y tế)*

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới: + Quan điểm “<i>Tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển</i>”, + Mục tiêu: “<i>Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; ... góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững</i>” + Nhiệm vụ, giải pháp: “<i>Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số: Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân số gắn với xây dựng gia đình hạnh phúc....</i>”.	Điều 3. Điều kiện, thủ tục hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai 1. Lao động nữ sinh con, lao động nam đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc có vợ sinh con được nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai mà tại thời điểm sinh có một con để theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Luật Dân số. 2. Thủ tục hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai gồm Giấy xác nhận sinh con thứ hai theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này và các giấy tờ khác theo theo		

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng đề ra định hướng chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển.	quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Điều 4. Mức hỗ trợ tài chính khi sinh con 1. Mức hỗ trợ tài chính khi sinh con: 2.000.000 đồng/người/lần sinh.		
- Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 42-NQ/TW) tiếp tục khẳng định quan điểm, mục tiêu, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 21-NQ/TW đồng thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp <i>“Đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỉ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì mức sinh thay thế trên phạm vi cả nước, nhất là đối với một số địa bàn và nhóm dân cư.”</i>	2. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chính quyền địa phương cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ cao hơn mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Trường hợp người đồng thời thuộc nhiều đối tượng hưởng hỗ trợ tài chính khi sinh con khác nhau theo quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 14 Luật Dân số thì được hưởng tất cả các chế độ hỗ trợ tương ứng. Phụ nữ khi sinh con là đối tượng được hưởng chính sách trợ cấp xã hội, thì vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này.		
- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đề ra nhiệm vụ, giải pháp <i>“Có chính</i>	Điều 5. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ tài chính khi sinh con		

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<i>sách nâng cao chất lượng dân số, bảo đảm thích ứng với già hóa dân số, gia tăng tỷ lệ sinh để đạt được mức sinh thay thế bền vững.”</i>	1. Người được hưởng hỗ trợ tài chính khi sinh con có Tờ khai đề nghị theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trên môi trường mạng/điện tử đến Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố nơi cư trú (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân xã). Trường hợp đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đã chết hoặc không biết chữ, sức khỏe yếu, không tự khai được thì thân nhân của đối tượng hưởng chính sách thực hiện kê khai.		
- Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW đề ra nhiệm vụ, giải pháp: + “Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số phù hợp với những thay đổi về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân cư, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Trong đó đẩy nhanh tiến độ xây dựng Luật Dân số theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng;”; + “Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các cặp vợ chồng và cá nhân sinh đủ hai con, ưu tiên và chú trọng đối với các địa bàn có mức sinh thấp, dân tộc ít người; các chính sách nhằm duy trì tỉ suất sinh thay thế; ...”; + “Nghiên cứu ban hành các chính sách hỗ trợ cho phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi, chính sách việc làm, trợ cấp, hỗ trợ cho người lao động sinh con và nuôi con nhỏ”.	2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đề nghị, Ủy ban nhân dân xã tổ chức xem xét, kiểm tra tính chính xác thông tin liên quan của người được hưởng hỗ trợ tài chính khi sinh con, quyết định và thực hiện chi trả cho người đề nghị theo quy định pháp luật. Trường hợp người đề nghị không đủ điều kiện hưởng hỗ trợ tài chính khi sinh con thì Ủy ban nhân dân xã trả lời bằng văn bản.		

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	3. Thời điểm, phương thức hỗ trợ: - Thời điểm hỗ trợ: Trong thời hạn tối đa 06 tháng sau khi sinh con thuộc đối tượng được hỗ trợ. - Phương thức hỗ trợ: Bằng tiền, cấp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho đối tượng thụ hưởng.		
Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới đã đưa ra nhiệm vụ “Rà soát, bổ sung các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi. Ngăn ngừa có hiệu quả việc lạm dụng khoa học - công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi.”	Điều 6. Biện pháp can thiệp để giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh 1. Truyền thông, vận động, giáo dục chuyển đổi hành vi để giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh cho người dân, cộng đồng và xã hội; 2. Xây dựng, hoàn thiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ về giáo dục, việc làm, nâng cao vai trò của phụ nữ và trẻ em gái; 3. Kiểm tra chuyên ngành việc thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi.		
Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW đề ra nhiệm vụ, giải pháp: “Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách thu hẹp khoảng cách mất cân bằng giới tính khi sinh để sớm đưa về mức cân bằng tự nhiên”.			
Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá	Điều 15. Phạm vi, đối tượng khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh		

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
XII về công tác dân số trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 21-NQ/TW) khẳng định quan điểm “<i>Tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển</i>”, đồng thời đề ra các mục tiêu cụ thể: “<i>Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hoá dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững</i>”	1. Phụ nữ mang thai tham gia khám sàng lọc trước sinh đủ 04 bệnh: Hội chứng Edwards, hội chứng Down, hội chứng Patau, tan máu bẩm sinh Thalassemia. 2. Trẻ sơ sinh tham gia khám sàng lọc sơ sinh đủ 05 bệnh: Suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, bất thường tim bẩm sinh. Điều 16. Mức hỗ trợ tài chính khi tham gia sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, thời điểm hỗ trợ và phương thức hỗ trợ 1. Mức hỗ trợ tài chính khi tham gia sàng lọc trước sinh: 900.000 đồng/lần sàng lọc/người.		
Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng đề ra định hướng chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển. Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ	2. Mức hỗ trợ tài chính khi tham gia sàng lọc sơ sinh: 600.000 đồng/lần sàng lọc/người. 3. Thời điểm hỗ trợ: a) Trong thời hạn tối đa 03 tháng sau khi thực hiện đủ số lượng bệnh đối với sàng lọc trước sinh; b) Trong thời hạn tối đa 03 tháng sau khi thực hiện đủ số lượng bệnh đối với sàng lọc sơ sinh;		

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 42-NQ/TW) tiếp tục khẳng định quan điểm, mục tiêu, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 21-NQ/TW.	c) Trong thời hạn tối đa 03 tháng sau khi sinh được nhận một lần đối với thực hiện sàng lọc trước sinh và sơ sinh.		
Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới: “ <i>Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số phù hợp với những thay đổi về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân cư, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới....</i> ”	4. Phương thức hỗ trợ: Chi trả một lần trọn gói bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho đối tượng thụ hưởng hoặc thân nhân của đối tượng thụ hưởng. Điều 17. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ tài chính khi thực hiện sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh		
Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị “Về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân: “ <i>Có chính sách nâng cao chất lượng dân số,...</i> ”	1. Sàng lọc trước sinh a) Tờ khai đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện sàng lọc trước sinh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này; b) Các giấy tờ kèm theo: Phiếu thu/hóa đơn/biên lai của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định; phiếu sàng lọc; phiếu kết quả xét nghiệm.		
Nghị quyết 262/2025/QH15 Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 – 2035 có đưa ra mục tiêu nâng cao chất lượng dân số; tăng cường chăm sóc cho các	2. Sàng lọc sơ sinh a) Tờ khai đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện sàng lọc trước sinh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này;		

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
nhóm dễ bị tổn thương; góp phần nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của Nhân dân, xây dựng nước Việt Nam khỏe mạnh.	b) Các giấy tờ kèm theo: Bản sao giấy khai sinh/giấy chứng sinh; phiếu thu/hóa đơn/biên lai của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định; phiếu sàng lọc; phiếu kết quả xét nghiệm. Điều 18. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ tài chính khi thực hiện sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh 1. Người đề nghị, thân nhân của người đề nghị làm hồ sơ theo quy định tại Điều 17 Nghị định này gửi Ủy ban nhân dân xã. Khi nộp hồ sơ cần xuất trình căn cước hoặc căn cước công dân để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu các thông tin kê khai trong tờ khai. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đề nghị, Ủy ban nhân dân xã tổ chức xem xét, kiểm tra tính chính xác thông tin liên quan của người được hưởng hỗ trợ khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh, quyết định và thực hiện chi trả cho người đề nghị theo quy định pháp luật.		

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Trường hợp người đề nghị không đủ điều kiện hưởng hỗ trợ khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh thì Ủy ban nhân dân xã trả lời bằng văn bản.		
Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới <i>- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi. Tích cực, chủ động xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi</i> <i>- Phát triển mạnh hệ thống chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế. Khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa, giải trí của người cao tuổi.</i>	Điều 7. Nội dung chăm sóc người cao tuổi tại nhà 1. Cung cấp kiến thức, kỹ năng phòng bệnh, phát hiện sớm, tự chăm sóc một số bệnh thường gặp cho người cao tuổi. 2. Hỗ trợ người cao tuổi trong hoạt động sinh hoạt hằng ngày. 3. Tư vấn, hướng dẫn về nâng cao sức khỏe, đời sống tinh thần, tạo điều kiện cho người cao tuổi duy trì kết nối xã hội, phát huy vai trò người cao tuổi. 4. Tư vấn, hỗ trợ về quyền của người cao tuổi. 5. Khám bệnh, chữa bệnh theo quy định về pháp luật khám bệnh, chữa bệnh. Điều 8. Người thực hiện chăm sóc người cao tuổi tại nhà 1. Người cao tuổi. 2. Người thân của người cao tuổi.	- Thể chế đầy đủ chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi được quy định trong Luật Người cao tuổi và chính sách “Thích ứng với già hóa dân số” quy định trong Luật Dân số. - Quy định này góp phần thể chế hóa việc hoàn thiện mạng lưới chăm sóc người cao tuổi; thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng, trong đó bao gồm cả dịch vụ về phục hồi chức năng.	
Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về			

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, <i>- Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 1 bệnh viện đạt cấp chuyên sâu; có bệnh viện lão khoa hoặc bệnh viện đa khoa có chuyên khoa lão khoa. Phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống dịch vụ phục hồi chức năng; kết hợp hiệu quả giữa các cơ sở y tế và các cơ sở chăm sóc người cao tuổi”</i> Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, <i>- Tập trung nguồn lực, phân đầu đến năm 2030, mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 01 bệnh viện đạt cấp chuyên sâu; có bệnh viện lão khoa hoặc bệnh viện đa khoa có chuyên khoa lão khoa. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hệ thống phục hồi chức</i>	3. Người thực hiện chăm sóc người cao tuổi được quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này. Điều 9. Các loại hình chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng 1. Câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng. 2. Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng. Điều 10. Câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng 1. Phát triển các loại hình câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng. 2. Nội dung hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng: a) Hướng dẫn kiến thức, kỹ năng phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe về thể chất và tinh thần; phát hiện sớm, tự chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi; b) Tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, văn nghệ; c) Tư vấn các chế độ chính sách để bảo vệ quyền và lợi ích của người cao tuổi;		

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<i>năng; kết hợp hiệu quả giữa các cơ sở y tế và các cơ sở chăm sóc người cao tuổi</i>	d) Phát huy vai trò, kinh nghiệm của người cao tuổi; đ) Các nội dung chăm sóc người cao tuổi phù hợp khác với nhu cầu của các thành viên trong câu lạc bộ. 3. Bộ Y tế hướng dẫn nội dung chuyên môn điểm a và b khoản 2 Điều này; phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn điểm c và d khoản 2 Điều này. Điều 11. Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng 1. Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng là nơi hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi; người thực hiện chăm sóc người cao tuổi tại Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng theo quy định tại Điều 12 Nghị định này và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế (sử dụng nguồn lực sẵn có, không phát sinh tổ chức, biên chế). 2. Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng được đặt tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, tổ dân phố hoặc địa điểm		

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	phù hợp khác do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định. Điều 13. Kinh phí chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng 1. Kinh phí chăm sóc người cao tuổi tại nhà a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho đối tượng người cao tuổi cô đơn, bị bệnh nặng, không thể đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở chăm sóc người cao tuổi và các chi phí theo quy định của pháp luật. b) Người cao tuổi không thuộc điểm a khoản 1 Điều này và có nhu cầu chăm sóc để duy trì sức khỏe thể chất, tinh thần và chức năng xã hội, tự chi trả chi phí chăm sóc. 2. Kinh phí chi cho hoạt động điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng từ ngân sách nhà nước hỗ trợ và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết		

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	định việc hỗ trợ điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng theo quy định của pháp luật. 3. Kinh phí chi cho hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng từ ngân sách nhà nước hỗ trợ và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, chính quyền địa phương cấp xã quyết định việc hỗ trợ câu lạc bộ theo quy định của pháp luật. 4. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, gia đình, cá nhân tham gia đóng góp, hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi tại nhà, câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng, điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng. Điều 14. Trách nhiệm thực hiện 1. Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng, tại điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng.		

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng theo quy định. b) Trình cấp có thẩm quyền hỗ trợ thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại nhà, tại câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng, tại điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Nghị định này. 3. Căn cứ tình hình thực tiễn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng, điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng và hỗ trợ thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng.		
Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện nghị quyết số 42-nq/tw ngày 24 tháng 11 năm 2023, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung	Điều 12. Nhân lực chăm sóc người cao tuổi cộng đồng 1. Người thực hiện chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng a) Tình nguyện viên chăm sóc người cao tuổi là người tự nguyện	Thực hiện Công văn số 644/BYT-CDS ngày 30/01/2026, Bộ Y tế báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, tích hợp nội dung	

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới: <i>- Đề án xây dựng, phát triển nhân viên chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045</i>	tham gia chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng; b) Nhân viên chăm sóc sức khỏe người cao tuổi là người làm việc tại trạm y tế, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản thực hiện cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng; c) Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. 2. Điều kiện thực hiện chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng a) Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có giấy chứng nhận hoàn thành khóa tập huấn hướng dẫn kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng. b) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, đào tạo liên tục kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng. c) Đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật khám bệnh, chữa bệnh.	phát triển nhân viên chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trong việc hướng dẫn quy định chi tiết điểm b và điểm c khoản 2 Điều 18; và hướng dẫn thi hành Điều 18 và Điều 19 của Luật Dân số đồng bộ với các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân và các văn bản hướng dẫn triển khai các Luật,	

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		Nghị quyết liên quan vừa được thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.	

Phụ lục II:**RÀ SOÁT HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC, HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT DÂN SỐ***(Kèm theo Báo cáo số /BC-BYT ngày / /2026 của Bộ Y tế)*

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 3. Điều kiện, thủ tục hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai 1. Lao động nữ sinh con, lao động nam đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc có vợ sinh con được nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai mà tại thời điểm sinh có một con đẻ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Luật Dân số. 2. Thủ tục hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai gồm Giấy xác nhận sinh con thứ hai theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.	- Luật Bình đẳng giới: Điều 32. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức khác trong việc thực hiện bình đẳng giới tại cơ quan, tổ chức mình 2. Căn cứ vào khả năng, điều kiện của mình, cơ quan, tổ chức chủ động hoặc phối hợp tham gia các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới sau đây: g) Tạo điều kiện cho lao động nam nghỉ hưởng nguyên lương và phụ cấp khi vợ sinh con. - Bộ luật Lao động: Khoản 1 Điều 139. Nghỉ thai sản 1. Lao động nữ được nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con là 06 tháng; trường hợp sinh con thứ hai, lao động nữ được nghỉ	Phù hợp, thống nhất với chính sách hiện hành và các quy định trong Bộ luật Lao động, Luật Bình đẳng giới, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	thai sản trước và sau khi sinh con là 07 tháng; thời gian nghỉ trước khi sinh không quá 02 tháng. Trường hợp lao động nữ sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ hai trở đi, cứ mỗi con, người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng. - Luật Bảo hiểm xã hội: Mục 2 Chương V. Bảo hiểm xã hội bắt buộc Điều 50. Đối tượng và điều kiện hưởng chế độ thai sản Điều 53. Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi sinh con Điều 58. Trợ cấp một lần khi sinh con, nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi Điều 59. Trợ cấp thai sản Điều 61. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ thai sản Điều 62. Giải quyết hưởng chế độ thai sản đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc - Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 158/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội bảo về bảo hiểm xã hội bắt buộc Khoản 3 Điều 11. Thời gian, tiền lương tháng làm căn cứ tính hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp 3. Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng người sử dụng lao động không phải đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nhưng được tính là thời gian đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cụ thể như sau:		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	a) Trường hợp hợp đồng lao động hết thời hạn trong thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản thì thời gian hưởng chế độ thai sản từ khi nghỉ việc đến khi hợp đồng lao động hết thời hạn được tính là thời gian đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thời gian hưởng chế độ thai sản sau khi hợp đồng lao động hết thời hạn không được tính là thời gian đã đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; b) Thời gian hưởng chế độ thai sản của người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc trước thời điểm sinh con hoặc nhận con nuôi dưới 06 tháng tuổi quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật Bảo hiểm xã hội không được tính là thời gian đã đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	c) Trường hợp lao động nữ trở lại làm việc trước khi hết thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi sinh con theo quy định tại khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Lao động thì thời gian từ khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản đến khi trở lại làm việc được tính là thời gian đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, kể từ thời điểm trở lại làm việc thì lao động nữ vẫn được hưởng trợ cấp thai sản cho đến khi hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Bảo hiểm xã hội nhưng người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. d) Trường hợp người cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng, người mẹ nhờ mang thai hộ, người cha nhờ mang thai hộ hưởng chế độ thai sản mà không nghỉ việc thì người sử dụng lao động vẫn phải đóng bảo hiểm		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Thông tư 12/2025/TT-BNV ngày 30/6/2025 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc. Điều 8. Xác định điều kiện hưởng chế độ thai sản Điều 9. Xác định thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản Điều 10. Tính trợ cấp thai sản		
Điều 4. Mức hỗ trợ tài chính khi sinh con 1. Mức hỗ trợ tài chính khi sinh con: 2.000.000 đồng/người/lần sinh. 2. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chính quyền địa phương cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ cao hơn mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Trường hợp người đồng thời thuộc nhiều đối tượng hưởng hỗ trợ tài chính khi sinh con khác nhau theo quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 14 Luật Dân số thì được hưởng tất cả các chế độ hỗ trợ tương ứng.	Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số. Điều 1. Đối tượng được hỗ trợ Phụ nữ là người dân tộc thiểu số hoặc phụ nữ là người Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn (trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Phụ nữ khi sinh con là đối tượng được hưởng chính sách trợ cấp xã hội, thì vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này. Điều 5. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ tài chính khi sinh con 1. Người được hưởng hỗ trợ tài chính khi sinh con có Tờ khai đề nghị theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trên môi trường mạng/điện tử đến Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố nơi cư trú (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân xã). Trường hợp đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đã chết hoặc không biết chữ, sức khỏe yếu, không tự khai được thì thân nhân của đối tượng hưởng chính sách thực hiện kê khai. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đề nghị, Ủy ban nhân dân xã tổ chức xem xét, kiểm tra tính chính xác thông tin liên quan của người được hưởng hỗ trợ tài chính khi sinh con, quyết định và thực hiện chi trả cho người đề nghị theo quy định pháp luật.	buộc) khi sinh con thuộc một trong các trường hợp sau đây: 1. Sinh một hoặc hai con; 2. Sinh con thứ ba, nếu cả hai vợ chồng hoặc một trong hai người thuộc dân tộc có số dân dưới 10.000 người hoặc thuộc dân tộc có nguy cơ suy giảm số dân (tỷ lệ sinh nhỏ hơn hoặc bằng tỷ lệ chết) theo công bố chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; 3. Sinh lần thứ nhất mà sinh ba con trở lên; 4. Đã có một con đẻ, nhưng sinh lần thứ hai mà sinh hai con trở lên; 5. Sinh lần thứ ba trở lên, nếu tại thời điểm sinh chỉ có một con đẻ còn sống, kể cả con đẻ đã cho làm con nuôi; 6. Sinh con thứ ba, nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền, đã được Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương xác nhận;		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Trường hợp người đề nghị không đủ điều kiện hưởng hỗ trợ tài chính khi sinh con thì Ủy ban nhân dân xã trả lời bằng văn bản. 3. Thời điểm, phương thức hỗ trợ: - Thời điểm hỗ trợ: Trong thời hạn tối đa 06 tháng sau khi sinh con thuộc đối tượng được hỗ trợ. - Phương thức hỗ trợ: Bằng tiền, cấp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho đối tượng thụ hưởng. Điều 19. Kinh phí thực hiện 1. Kinh phí hỗ trợ tài chính khi sinh con quy định tại Điều 4 Nghị định này do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành.	7. Sinh một con hoặc hai con, nếu một trong hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ); 8. Sinh một con hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh, nếu cả hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ); không áp dụng cho trường hợp hai vợ chồng đã từng có hai con chung trở lên và các con hiện đang còn sống; 9. Phụ nữ thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số chưa kết hôn, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, sinh một hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh. - Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/04/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	số đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018.		
Điều 7. Nội dung chăm sóc người cao tuổi tại nhà 1. Cung cấp kiến thức, kỹ năng phòng bệnh, phát hiện sớm, tự chăm sóc một số bệnh thường gặp cho người cao tuổi. 2. Hỗ trợ người cao tuổi trong hoạt động sinh hoạt hằng ngày. 3. Tư vấn, hướng dẫn về nâng cao sức khỏe, đời sống tinh thần, tạo điều kiện cho người cao tuổi duy trì kết nối xã hội, phát huy vai trò người cao tuổi. 4. Tư vấn, hỗ trợ về quyền của người cao tuổi. 5. Khám bệnh, chữa bệnh theo quy định về pháp luật khám bệnh, chữa bệnh. Điều 13. Kinh phí chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng 1. Kinh phí chăm sóc người cao tuổi tại nhà a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho đối tượng người cao tuổi cô đơn, bị bệnh nặng, không thể đến cơ sở khám bệnh, chữa	Luật Người cao tuổi Điều 10. Nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng người cao tuổi 1. Phụng dưỡng người cao tuổi là chăm sóc đời sống tinh thần, vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở, đi lại, chăm sóc sức khỏe và các nhu cầu về vui chơi, giải trí, thông tin, giao tiếp, học tập của người cao tuổi. Điều 13. Chăm sóc sức khỏe ban đầu tại nơi cư trú 2. Trạm y tế xã, phường, thị trấn cử cán bộ y tế đến khám bệnh, chữa bệnh tại nơi cư trú đối với người cao tuổi cô đơn bị bệnh nặng không thể đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm hỗ trợ việc đưa người bệnh quy định tại khoản này tới cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo đề	Phù hợp với các quy định về pháp luật có liên quan.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
bệnh, cơ sở chăm sóc người cao tuổi và các chi phí theo quy định của pháp luật. b) Người cao tuổi không thuộc điểm a khoản 1 Điều này và có nhu cầu chăm sóc để duy trì sức khỏe thể chất, tinh thần và chức năng xã hội, tự chi trả chi phí chăm sóc. 2. Kinh phí chi cho hoạt động điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng từ ngân sách nhà nước hỗ trợ và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định việc hỗ trợ điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng theo quy định của pháp luật. 3. Kinh phí chi cho hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng từ ngân sách nhà nước hỗ trợ và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, chính quyền địa phương cấp xã quyết định việc hỗ trợ câu lạc bộ theo quy định của pháp luật. 4. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, doanh nghiệp,	nghe của trạm y tế xã, phường, thị trấn. 3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân khám bệnh, chữa bệnh cho người cao tuổi tại nơi cư trú Thông tư 35/2011/TT-BYT về hướng dẫn chăm sóc sức khỏe người cao tuổi quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 4 b) Cử cán bộ y tế đến khám bệnh, chữa bệnh tại nơi cư trú đối với người cao tuổi cô đơn, bị bệnh nặng không thể đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Thông tư 96/2018/TT-BTC quy định về quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3: d) Trạm y tế xã cử cán bộ y tế đến khám bệnh, chữa bệnh tại nơi cư trú cho người cao tuổi cô đơn, bị bệnh nặng và có trách nhiệm:		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
gia đình, cá nhân tham gia đóng góp, hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi tại nhà, câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng, điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng.	- Hỗ trợ chi phí đi lại từ trạm y tế xã đến nơi ở của người cao tuổi (đi và về) cho cán bộ y tế xã đến khám bệnh, chữa bệnh cho người cao tuổi cô đơn, bị bệnh nặng không thể đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ngoài tiền công tác phí theo quy định hiện hành). Mức hỗ trợ tối đa 5.000 đồng/km đối với vùng kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; tối đa 3.000 đồng/km đối với các vùng còn lại; - Hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại nơi cư trú cho người cao tuổi cô đơn, bị bệnh nặng có hoàn cảnh khó khăn. Mức hỗ trợ tối đa bằng mức khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại tuyến xã;		
Điều 8. Người thực hiện chăm sóc người cao tuổi tại nhà 1. Người cao tuổi. 2. Người thân của người cao tuổi. 3. Người thực hiện chăm sóc người cao tuổi được quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này.	Luật Người cao tuổi Điều 4. Chính sách của Nhà nước đối với người cao tuổi 4. Phát triển ngành lão khoa đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh cho người cao tuổi; đào tạo		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 12. Nhân lực chăm sóc người cao tuổi cộng đồng 1. Người thực hiện chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng a) Tình nguyện viên chăm sóc người cao tuổi là người tự nguyện tham gia chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng; b) Nhân viên chăm sóc sức khỏe người cao tuổi là người làm việc tại trạm y tế, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản thực hiện cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng; c) Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. 2. Điều kiện thực hiện chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng a) Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có giấy chứng nhận hoàn thành khóa tập huấn hướng dẫn kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng. b) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, đào tạo liên tục kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.	nhân viên chăm sóc người cao tuổi. Điều 29. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ 1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm sau đây: h) Chủ trì phối hợp với Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ và bồi dưỡng nhân viên chăm sóc người cao tuổi; Luật Khám bệnh, chữa bệnh Điều 22. Cập nhật kiến thức y khoa liên tục 1. Người hành nghề thuộc một trong các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện và tâm lý lâm sàng có trách nhiệm cập nhật kiến thức y khoa liên tục phù hợp với phạm vi hành nghề. 2. Các hình thức cập nhật kiến thức y khoa liên tục bao gồm: a) Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, hội nghị,		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
c) Đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật khám bệnh, chữa bệnh.	hội thảo về y khoa phù hợp với phạm vi hành nghề; b) Tham gia biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh; c) Thực hiện các nghiên cứu khoa học, giảng dạy về y khoa thuộc phạm vi hành nghề; d) Tự cập nhật kiến thức y khoa và các hình thức khác. 3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm tạo điều kiện để người hành nghề được cập nhật kiến thức y khoa liên tục. 4. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết Điều này. Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Thông tư 30/2024/TT-BYT ngày 04/11/2024 quy định danh mục, nội dung gói dịch		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	vụ y tế cơ bản do Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện. Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số. Thông tư số 27/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội dung đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với Nhân viên y tế thôn, bản; Cô đỡ thôn, bản.		
Điều 9. Các loại hình chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng 1. Câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng. 2. Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng. Điều 10. Câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng 1. Phát triển các loại hình câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng. 2. Nội dung hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng:	Luật Người cao tuổi Điều 20. Cơ sở chăm sóc người cao tuổi 1. Cơ sở chăm sóc người cao tuổi là nơi chăm sóc, nuôi dưỡng, tư vấn hoặc hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho người cao tuổi. 2. Cơ sở chăm sóc người cao tuổi bao gồm: a) Cơ sở bảo trợ xã hội; b) Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi;		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
a) Hướng dẫn kiến thức, kỹ năng phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe về thể chất và tinh thần; phát hiện sớm, tự chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi; b) Tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, văn nghệ; c) Tư vấn các chế độ chính sách để bảo vệ quyền và lợi ích của người cao tuổi; d) Phát huy vai trò, kinh nghiệm của người cao tuổi; đ) Các nội dung chăm sóc người cao tuổi phù hợp khác với nhu cầu của các thành viên trong câu lạc bộ. 3. Bộ Y tế hướng dẫn nội dung chuyên môn điểm a và b khoản 2 Điều này; phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn điểm c và d khoản 2 Điều này.	c) Cơ sở chăm sóc người cao tuổi khác. Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của các cơ sở chăm sóc người cao tuổi quy định tại khoản này. Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 về tổ chức, hoạt động và quản lý hội quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 2. Hội có các tên gọi khác nhau: hội, liên hiệp hội, tổng hội, liên đoàn, hiệp hội, câu lạc bộ có tư cách pháp nhân và các tên gọi khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là hội). 3. Phạm vi hoạt động của hội (theo lãnh thổ) gồm: a) Hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh; b) Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh); c) Hội có phạm vi hoạt động trong huyện, quận, thị xã, thành		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	phổ thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện); d) Hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã).		
Điều 11. Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng 1. Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng là nơi hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi; người thực hiện chăm sóc người cao tuổi tại Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng theo quy định tại Điều 12 Nghị định này và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế (sử dụng nguồn lực sẵn có, không phát sinh tổ chức, biên chế). 2. Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng được đặt tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, tổ dân phố hoặc địa điểm phù hợp khác do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.			Chưa có văn bản nào quy định về Điểm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng. Do vậy cần quy định trong dự thảo Nghị định để quy định chi tiết Luật Dân số; đồng thời hoàn thiện mạng lưới chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng để thể chế hóa các đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
Điều 15. Phạm vi, đối tượng khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh 1. Phụ nữ mang thai tham gia khám sàng lọc trước sinh đủ 04 bệnh: Hội chứng	- Luật Trẻ em Khoản 4 Điều 43: Phụ nữ mang thai có trách nhiệm tiếp cận dịch vụ y tế để được tư vấn sàng lọc, phòng ngừa các bệnh tật bẩm sinh cho trẻ em.	Phù hợp, thống nhất với chính sách hiện hành và các quy định trong Luật Bình đẳng giới, Luật Trẻ em, Luật Hôn nhân và gia đình,	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Edwards, hội chứng Down, hội chứng Patau, tan máu bẩm sinh Thalassemia. 2. Trẻ sơ sinh tham gia khám sàng lọc sơ sinh đủ 05 bệnh: Suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, bất thường tim bẩm sinh. Điều 16. Mức hỗ trợ tài chính khi tham gia sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, thời điểm hỗ trợ và phương thức hỗ trợ 1. Mức hỗ trợ tài chính khi tham gia sàng lọc trước sinh: 900.000 đồng/lần sàng lọc/người. 2. Mức hỗ trợ tài chính khi tham gia sàng lọc sơ sinh: 600.000 đồng/lần sàng lọc/người. 3. Thời điểm hỗ trợ: a) Trong thời hạn tối đa 03 tháng sau khi thực hiện đủ số lượng bệnh đối với sàng lọc trước sinh; b) Trong thời hạn tối đa 03 tháng sau khi thực hiện đủ số lượng bệnh đối với sàng lọc sơ sinh; c) Trong thời hạn tối đa 03 tháng sau khi sinh được nhận một lần đối với thực hiện sàng lọc trước sinh và sơ sinh.	Khoản 2 Điều 84: Chính sách, biện pháp và trách nhiệm thực hiện tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh: Hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi; chăm sóc và tư vấn sức khỏe, tư vấn dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em; tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; tư vấn, hỗ trợ trẻ em chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp với độ tuổi. Khoản 4 Điều 98: Nhà nước có chính sách, biện pháp tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; giảm tỷ lệ tử vong trẻ em, đặc biệt là tử vong trẻ sơ sinh; xóa bỏ phong tục, tập quán có hại, ảnh hưởng đến sức khỏe trẻ em.”. - Luật Hôn nhân và Gia đình Khoản 4, Điều 2: Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện	Luật, các nghị định, thông tư có liên quan.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
4. Phương thức hỗ trợ: Chi trả một lần trọn gói bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho đối tượng thụ hưởng hoặc thân nhân của đối tượng thụ hưởng. Điều 17. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ tài chính khi thực hiện sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh 1. Sàng lọc trước sinh a) Tờ khai đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện sàng lọc trước sinh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này; b) Các giấy tờ kèm theo: Phiếu thu/hóa đơn/biên lai của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định; phiếu sàng lọc; phiếu kết quả xét nghiệm. 2. Sàng lọc sơ sinh a) Tờ khai đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện sàng lọc trước sinh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này; b) Các giấy tờ kèm theo: Bản sao giấy khai sinh/giấy chứng sinh; phiếu thu/hóa đơn/biên lai của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định; phiếu sàng lọc; phiếu kết quả xét nghiệm. Điều 18. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ tài chính khi thực hiện sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh	các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình”. - Nghị định số 104/2003/NĐ-CP Khoản 1, Điều 26: Những người có tiền sử gia đình có người mắc bệnh tâm thần, bệnh di truyền, người có nguy cơ bị khuyết tật về gen; người bị nhiễm chất độc hóa học; người thường xuyên tiếp xúc với hoá chất độc hại và các bệnh lây nhiễm cần được vận động đi kiểm tra sức khoẻ trước khi có ý định sinh con. - Thông tư số 55/2023/TT-BTC Khoản 3, Điều 34: Hỗ trợ cung cấp dịch vụ tầm soát, chẩn đoán và điều trị trước sinh và sơ sinh. - Thông tư số 01/2021/TT-BYT Điểm a, khoản 1, Điều 5: Phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; sống tại vùng nhiễm chất độc dioxin, vùng núi, biên		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1. Người đề nghị, thân nhân của người đề nghị làm hồ sơ theo quy định tại Điều 17 Nghị định này gửi Ủy ban nhân dân xã. Khi nộp hồ sơ cần xuất trình căn cước hoặc căn cước công dân để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu các thông tin kê khai trong tờ khai. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đề nghị, Ủy ban nhân dân xã tổ chức xem xét, kiểm tra tính chính xác thông tin liên quan của người được hưởng hỗ trợ khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh, quyết định và thực hiện chi trả cho người đề nghị theo quy định pháp luật. Trường hợp người đề nghị không đủ điều kiện hưởng hỗ trợ khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh thì Ủy ban nhân dân xã trả lời bằng văn bản.	giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn được hỗ trợ thực hiện tầm soát trước sinh (sàng lọc trước sinh), tầm soát sơ sinh (sàng lọc sơ sinh) và hỗ trợ bằng tiền (nếu có)”. - Thông tư số 30/2024/TT-BYT: Danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản do Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện; trong đó có quy định cụ thể về sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại 03 gói (1) Gói dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, (2) Gói dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, (3) Gói dịch vụ chăm sóc sức khỏe trước khi kết hôn, dân số và kế hoạch hóa gia đình. Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh và Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03/12/2019 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chuẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh Các nội dung: - Tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán điều trị trước sinh và sơ sinh quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6.		

Phụ lục III:**ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC, HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LUẬT DÂN SỐ***(Kèm theo Báo cáo số /BC-BYT ngày / /2026 của Bộ Y tế)*

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 3. Điều kiện, thủ tục hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai 1. Lao động nữ sinh con, lao động nam đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc có vợ sinh con được nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai mà tại thời điểm sinh có một con đẻ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Luật Dân số. 2. Thủ tục hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai gồm Giấy xác nhận sinh con thứ hai theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Điều 4. Mức hỗ trợ tài chính khi sinh con 1. Mức hỗ trợ tài chính khi sinh con: 2.000.000 đồng/người/lần sinh.	1/CÔNG ƯỚC CEDAW Điều 11. 1. Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả những biện pháp thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong lĩnh vực việc làm, nhằm đảm bảo những quyền như nhau trên cơ sở bình đẳng nam nữ, cụ thể là: e) Quyền được hưởng an sinh xã hội, đặc biệt trong các trường hợp về hưu, thất nghiệp, đau ốm, tàn tật, tuổi già và các tình trạng mất khả năng lao động khác, cũng như quyền được nghỉ phép có hưởng lương; f) Quyền được bảo vệ sức khỏe và an toàn lao động, kể cả bảo vệ chức năng sinh đẻ. 2. Nhằm ngăn chặn sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ với lý do	Tương thích với điều ước, cam kết quốc tế hiện đang tham gia.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
2. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chính quyền địa phương cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ cao hơn mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Trường hợp người đồng thời thuộc nhiều đối tượng hưởng hỗ trợ tài chính khi sinh con khác nhau theo quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 14 Luật Dân số thì được hưởng tất cả các chế độ hỗ trợ tương ứng. Phụ nữ khi sinh con là đối tượng được hưởng chính sách trợ cấp xã hội, thì vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này. Điều 5. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ tài chính khi sinh con 1. Người được hưởng hỗ trợ tài chính khi sinh con có Tờ khai đề nghị theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trên môi trường mạng/điện tử đến Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố nơi cư trú (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân xã). Trường hợp đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đã chết hoặc không biết chữ, sức khỏe yếu, không tự khai được thì thân nhân của đối	hôn nhân hay sinh đẻ, để đảm bảo một cách hiệu quả quyền về việc làm cho phụ nữ, các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm: a) Cấm những hành động kỷ luật, sa thải phụ nữ với lý do có thai hay nghỉ đẻ, và có sự phân biệt đối xử trong việc sa thải phụ nữ vỡ lý do hôn nhân; b) Áp dụng chế độ nghỉ đẻ vẫn hưởng lương hoặc được hưởng các phúc lợi xã hội tương đương mà không bị mất việc làm cũ, mất thâm niên, hay các phụ cấp xã hội; c) Khuyến khích việc cung cấp những dịch vụ xã hội cần thiết hỗ trợ cho các bậc cha mẹ để giúp họ có thể kết hợp các nghĩa vụ gia đình với trách nhiệm Công tác và tham gia các hoạt động cộng đồng, cụ thể bằng cách thúc đẩy việc thiết lập và sự phát triển của hệ thống các cơ sở chăm sóc trẻ em; d) Đảm bảo sự bảo vệ đặc biệt đối với phụ nữ trong thời kỳ mang thai trong những loại công việc đã được chứng minh là có hại cho họ.		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
tượng hưởng chính sách thực hiện kê khai. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đề nghị, Ủy ban nhân dân xã tổ chức xem xét, kiểm tra tính chính xác thông tin liên quan của người được hưởng hỗ trợ tài chính khi sinh con, quyết định và thực hiện chi trả cho người đề nghị theo quy định pháp luật. Trường hợp người đề nghị không đủ điều kiện hưởng hỗ trợ tài chính khi sinh con thì Ủy ban nhân dân xã trả lời bằng văn bản. 3. Thời điểm, phương thức hỗ trợ: - Thời điểm hỗ trợ: Trong thời hạn tối đa 06 tháng sau khi sinh con thuộc đối tượng được hỗ trợ. - Phương thức hỗ trợ: Bằng tiền, cấp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho đối tượng thụ hưởng. Điều 19. Kinh phí thực hiện 1. Kinh phí hỗ trợ tài chính khi sinh con quy định tại Điều 4 Nghị định này do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành.	e) Các quy định pháp luật về bảo vệ phụ nữ liên quan đến những vấn đề được đề cập trong điều này phải được định kỳ xem xét lại, đối chiếu với những tiến bộ mới của khoa học và kỹ thuật, để sửa đổi, hủy bỏ hoặc mở rộng nếu cần thiết. Điều 12. 1. Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, nhằm đảm bảo cho họ, trên cơ sở bình đẳng nam nữ, được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bao gồm những dịch vụ liên quan đến kế hoạch hóa gia đình. 2. Ngoài những quy định trong khoản 1 điều này, các quốc gia thành viên Công ước phải đảm bảo cho phụ nữ các dịch vụ thích hợp liên quan đến việc thai nghén, sinh đẻ và thời gian sau khi đẻ, cung cấp các dịch vụ không phải trả tiền nếu cần thiết, đảm bảo cho phụ nữ có đầy đủ dinh dưỡng		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	trong thời gian mang thai và cho con bú. 2/CÔNG ƯỚC ILO 183 (Công ước số 183 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về bảo vệ thai sản): Quy định tiêu chuẩn về thời gian nghỉ thai sản, trợ cấp và an toàn lao động cho phụ nữ mang thai. CHẾ ĐỘ NGHỈ THAI SẢN Điều 4 1. Khi lập giấy chứng nhận y tế hoặc các xác nhận thích hợp khác, theo quy định của luật pháp và thực tiễn, nêu rõ ngày sinh dự kiến, người phụ nữ thuộc phạm vi áp dụng của Công ước này sẽ được hưởng một thời gian nghỉ thai sản không dưới 14 tuần. 2. Thời gian của kỳ nghỉ nêu trên sẽ được các Nước thành viên cụ thể hoá trong tuyên bố gửi kèm thư phê chuẩn Công ước này. 3. Mỗi Nước thành viên sau đó có thể gửi tới Tổng giám đốc ILO một tuyên bố khác nêu cụ thể hơn nữa về việc nói rộng thời gian nghỉ thai sản.		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	4. Để bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh, thời gian nghỉ thai sản bao gồm 6 tuần nghỉ bắt buộc sau khi sinh hoặc theo sự thoả thuận giữa chính phủ, các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động ở cấp quốc gia. 5. Thời gian nghỉ mang thai được nói rộng bằng khoảng thời gian giữa ngày sinh dự kiến và ngày sinh thực tế mà không bị giảm thời gian nghỉ bắt buộc sau sinh. NGHỈ ỐM HOẶC CÁC VẤN ĐỀ CÓ TÍNH PHỨC TẠP Điều 5 Khi có giấy chứng nhận y tế, thời gian nghỉ sẽ được quy định trước hoặc sau thời gian nghỉ thai sản trong trường hợp ốm đau, các vấn đề có tính phức tạp hoặc nguy cơ có các vấn đề phức tạp nảy sinh ngoài việc mang thai hoặc sinh nở. Thực tế và thời gian nghỉ dài nhất có thể được quy định cụ thể theo luật pháp và thực tiễn của mỗi nước.		
Điều 15. Phạm vi, đối tượng khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh	Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em (CRC)	Tương thích với điều ước, cam kết quốc tế hiện đang tham gia.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1. Phụ nữ mang thai tham gia khám sàng lọc trước sinh đủ 04 bệnh: Hội chứng Edwards, hội chứng Down, hội chứng Patau, tan máu bẩm sinh Thalassemia. 2. Trẻ sơ sinh tham gia khám sàng lọc sơ sinh đủ 05 bệnh: Suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, bất thường tim bẩm sinh. Điều 16. Mức hỗ trợ tài chính khi tham gia sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, thời điểm hỗ trợ và phương thức hỗ trợ 1. Mức hỗ trợ tài chính khi tham gia sàng lọc trước sinh: 900.000 đồng/lần sàng lọc/người. 2. Mức hỗ trợ tài chính khi tham gia sàng lọc sơ sinh: 600.000 đồng/lần sàng lọc/người. 3. Thời điểm hỗ trợ: a) Trong thời hạn tối đa 03 tháng sau khi thực hiện đủ số lượng bệnh đối với sàng lọc trước sinh; b) Trong thời hạn tối đa 03 tháng sau khi thực hiện đủ số lượng bệnh đối với sàng lọc sơ sinh; c) Trong thời hạn tối đa 03 tháng sau khi sinh được nhận một lần đối với thực hiện sàng lọc trước sinh và sơ sinh.	- Điều 24 quy định về quyền được chăm sóc sức khỏe a. Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh và trẻ em; b. Bảo đảm dành sự giúp đỡ y tế và chăm sóc sức khỏe cần thiết cho mọi trẻ em, trong đó chú trọng phát triển công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu; d. Bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe thích hợp cho người mẹ trước và sau khi sinh; f. Phát triển công tác phòng bệnh, hướng dẫn cha mẹ, cũng như các hoạt động giáo dục và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. b. Bảo đảm dành sự giúp đỡ y tế và chăm sóc sức khỏe cần thiết cho mọi trẻ em, trong đó chú trọng phát triển công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu; Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR) - Điều 10 quy định: Cần dành sự bảo hộ đặc biệt cho các bà mẹ trong một khoảng thời gian thích đáng trước và sau khi sinh con. Trong khoảng thời gian đó, các bà		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
4. Phương thức hỗ trợ: Chi trả một lần trọn gói bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho đối tượng thụ hưởng hoặc thân nhân của đối tượng thụ hưởng. Điều 17. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ tài chính khi thực hiện sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh 1. Sàng lọc trước sinh a) Tờ khai đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện sàng lọc trước sinh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này; b) Các giấy tờ kèm theo: Phiếu thu/hóa đơn/biên lai của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định; phiếu sàng lọc; phiếu kết quả xét nghiệm. 2. Sàng lọc sơ sinh a) Tờ khai đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện sàng lọc trước sinh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này; b) Các giấy tờ kèm theo: Bản sao giấy khai sinh/giấy chứng sinh; phiếu thu/hóa đơn/biên lai của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định; phiếu sàng lọc; phiếu kết quả xét nghiệm. Điều 18. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ tài chính khi thực hiện sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh 1. Người đề nghị, thân nhân của người đề nghị làm hồ sơ theo quy định tại Điều 17	mẹ cần được nghỉ có lương hoặc nghỉ với đầy đủ các phúc lợi an sinh xã hội. - Điều 12 quy định: Mọi người được hưởng một tiêu chuẩn sức khoẻ về thể chất và tinh thần ở mức cao nhất có thể được; giảm bớt tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh và trẻ em, và nhằm đạt được sự phát triển lành mạnh của trẻ em; Công ước Quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD) Điều 25: quy định người khuyết tật có quyền hưởng tiêu chuẩn y tế cao nhất đã đạt được mà không có sự phân biệt nào trên cơ sở sự khuyết tật; phát hiện sớm và can thiệp nếu cần và những dịch vụ nhằm giảm thiểu và ngăn ngừa khuyết tật tăng thêm, kể cả cho trẻ em và người lớn.		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Nghị định này gửi Ủy ban nhân dân xã. Khi nộp hồ sơ cần xuất trình căn cước hoặc căn cước công dân để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu các thông tin kê khai trong tờ khai. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đề nghị, Ủy ban nhân dân xã tổ chức xem xét, kiểm tra tính chính xác thông tin liên quan của người được hưởng hỗ trợ khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh, quyết định và thực hiện chi trả cho người đề nghị theo quy định pháp luật. Trường hợp người đề nghị không đủ điều kiện hưởng hỗ trợ khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh thì Ủy ban nhân dân xã trả lời bằng văn bản.			